

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PROMOTION VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PROMOTION VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PROMOTION VIET NAM INVESTMENT AND IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PROVIMPEX.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107441328

3. Ngày thành lập: 19/05/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách 11, ngõ 136 đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941054798

Fax:

Email: provimpexjsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
3.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
6.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ vàng và các kim loại nhà nước cấm)	2420
7.	Đúc sắt, thép	2431
8.	Đúc kim loại màu (trừ vàng và các kim loại nhà nước cấm)	2432
9.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Trồng lúa	0111
14.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
15.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
16.	Trồng cây mía	0114
17.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
18.	Trồng cây lấy sợi	0116
19.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

20.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
21.	Trồng cây hàng năm khác	0119
22.	Trồng cây ăn quả	0121
23.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
24.	Trồng cây điều	0123
25.	Trồng cây hồ tiêu	0124
26.	Trồng cây cao su	0125
27.	Trồng cây cà phê	0126
28.	Trồng cây chè	0127
29.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
30.	Trồng cây lâu năm khác	0129
31.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
32.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
33.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
34.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
35.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
36.	Khai thác gỗ (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	0221
37.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	0222
38.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
39.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
40.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
41.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
42.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
43.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
44.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
46.	In ấn	1811
47.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
48.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày chi tiết: Khách sạn	5510
49.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	4723
54.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
55.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (đối với ngành nghề có điều kiện. doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4772
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
57.	Xuất bản phần mềm	5820
58.	Lập trình máy vi tính	6201
59.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
60.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý	4610
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620(Chính)
63.	Bán buôn gạo	4631
64.	Bán buôn thực phẩm	4632
65.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ loại nhà nước cấm)	4652
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
69.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (trừ loại nhà nước cấm)	7730
70.	Cung ứng lao động tạm thời (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	7820
71.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	7830
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

75.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
76.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
77.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG THỊ DIỄN	Khu 7, Xã Yên Mao, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	17.500	1.750.000.000	35,000	131232631	
			Tổng số	17.500	1.750.000.000	35,000		
2	TRINH THỊ BÍCH LIÊN	Số nhà 8 ngách 11 ngõ 136 đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	10,000	001188006034	
			Tổng số	5.000	500.000.000	10,000		
3	PHẠM MINH PHƯỢNG	Khu Kha Lâm 2, Phường Nam Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	500.000.000	10,000	031084001889	
			Tổng số	5.000	500.000.000	10,000		
4	PHẠM VĂN PHỦ	Khu 4, Phường Nam Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	17.500	1.750.000.000	35,000	031596800	
			Tổng số	17.500	1.750.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH THỊ BÍCH LIÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001188006034

Ngày cấp: 20/01/2016

Nơi cấp: *cục cảnh sát đkql cư trú và dlqg về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 8 ngách 11 ngõ 136 đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 8 ngách 11 ngõ 136 đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội